CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=QUẬN 1, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0302991607
Date: 2026.11.18 17:26:44 +07'00'

DRAGON CAPITAL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

# DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
# BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF

*Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư*

*To: Vietnam Exchange, Hanoi Stock Exchange, HoChiMinh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository And Clearing Corporation, Authorized Participant, Investors*

**- Tên CTQLQ/Fund Management company: CTCP QLQ đầu tư Dragon Capital Việt Nam/ Dragon Capital VietFund Management**

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Standard Chartered/Standard Chartered Bank

- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF DCVFMVN30/DCVFMVN30 ETF

**- Mã chứng khoán/Securities symbol: E1VFVN30**

- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC

- Điện thoại/Tel: +84-8 3 8251488 Fax: +84-8 38251489

Chúng tôi thông báo DMCKCC để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **19/11/2026**

- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

| STT | Mã chứng khoán | Số lượng (CP) / Giá trị (VND) | Tỷ lệ % trong danh mục |
|---|---|---|---|
| Order | Securities Symbol | Volume/ Amount | Weighting |
| **I.** | **Chứng khoán/ Stock** | **3,217,785,000** | **99.21%** |
| **1** | ACB | 6,300 | 3.93% |
| **2** | BID | 600 | 0.56% |
| **3** | BSR | 1,100 | 0.82% |
| **4** | CTG | 1,500 | 1.41% |
| **5** | FPT | 4,600 | 6.66% |
| **6** | GAS | 300 | 0.65% |
| **7** | GVR | 500 | 0.42% |
| **8** | HDB | 6,600 | 4.53% |
| **9** | HPG | 14,400 | 9.08% |
| **10** | LPB | 3,200 | 3.45% |
| **11** | MBB | 6,400 | 3.71% |
| **12** | MCH | 700 | 2.85% |
| **13** | MSN | 2,500 | 5.45% |
| **14** | MWG | 3,200 | 7.16% |
| **15** | SAB | 400 | 0.53% |
| **16** | SHB | 4,800 | 1.55% |
| **17** | SSB | 2,400 | 1.11% |
| **18** | SSI | 2,700 | 1.63% |
| **19** | STB | 2,300 | 4.98% |
| **20** | TCB | 7,400 | 4.73% |
| **21** | TCX | 600 | 0.51% |
| **22** | VCB | 1,200 | 1.88% |
| **23** | VHM | 2,300 | 4.31% |
| **24** | VIB | 2,800 | 1.16% |
| **25** | VIC | 1,400 | 10.57% |
| **26** | VJC | 1,100 | 4.69% |
| **27** | VNM | 2,400 | 3.85% |
| **28** | VPB | 7,000 | 4.53% |
| **29** | VPL | 200 | 0.58% |
| **30** | VRE | 2,600 | 1.91% |
| **II.** | **Tiền/ Cash (VND)** | **25,757,684** | **0.79%** |
| **III.** | **Tổng / Total (=I+II)** | **3,243,542,684** | **100%** |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 3,217,785,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 3,243,542,684

+ Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 25,757,684

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu trong danh mục được thay thế bằng tiền (nếu có)**
**In case, stock can be replaced by cash**

| Mã chứng khoán<br>Securities symbol | Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)*<br>Cash amount for 1 share in a creation order (VND)* | Đối tượng áp dụng<br>Applied investors | Lý do<br>State the reason |
|---|---|---|---|
| BID | 33,440 | BSC | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a TT121/2020/TT-BTC<br>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC |
| SSI | 21,505 | SSI | Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading |
| GVR | 29,920 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| MWG | 79,860 | AP/Nhà đầu tư nước ngoài<br>AP/Foreign Investor | Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa<br>The stock reaches foreign ownership limit |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

* Đối với lệnh hoán đổi bán (redemption) sẽ tuỳ thuộc vào giá CTQLQ bán ra thực tế trên thị trường
For redemption orders, the cash amount will depend on the market price at which FMC sells the securities on the exchange.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall take corporate action (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**
**Người uỷ quyền công bố thông tin**
*Fund management company representative*
*Authorised Representative to disclose information*




**Lê Hoàng Anh**
Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Ngày ký: 18/11/2026